

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2018.

V/v tranh chấp: Đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Bà Vũ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87A/2018 /QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1991.

Anh Mai Mạnh Q, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: xóm 6 xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng:

Bà Vũ Thị T1, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: xóm 6 xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện; bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày: Chị với vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q có mối quan hệ họ hàng, bố chị là anh trai của mẹ chị T. Xuất phát từ mối quan hệ chị em thân thiết nên chị có cho chị T vay tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Từ ngày 06/12 đến ngày 15/12/2014, chị cho chị T vay 60.000.000đồng với lãi suất theo thoả thuận là 1,3%/tháng.

Lần 2: Từ ngày 09/7 đến ngày 04/8/2015 chị cho chị T vay 50.000.000đồng với lãi suất theo thoả thuận là 1,3%/tháng.

Lần 3: Ngày 12/8/2015 chị cho chị T vay 50.000.000đồng với lãi suất theo thoả thuận là 1,3%/tháng.

Tổng cộng, chị đã cho chị T vay số tiền là 160.000.000đồng. Khi cho vay chỉ có hai người thoả thuận vay nợ với nhau, không có mặt anh Q. Lần vay thứ nhất và lần vay thứ 3 chị đã giao tiền trực tiếp cho chị T nhận tại nhà chị còn lần vay thứ hai chị chuyển khoản cho chị T vay 40.000.000đồng thông qua số tài khoản của anh Mai Mạnh Q. Khi đó chị T bị tai nạn lao động chị đến thăm chị T ở nhà riêng và đưa tiếp cho chị T vay 10.000.000đồng. Khi cho vay không viết giấy biên nhận, không có người làm chứng. Đến nay, chị chỉ có 03 chứng từ giao dịch vào các ngày 09/7/2015, 17/7/2015, 30/7/2015 và sổ phụ mà chị xin tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị trấn C làm bằng chứng. Từ khi cho vay đến nay, chị T đã chuyển khoản trả cho chị 16.000.000đồng vào ngày 05/02/2015. Ngày 06/4/2015, chị T chuyển khoản trả cho chị tiếp 10.000.000đồng. Ngày 15/6/2015 chị T chuyển khoản trả tiếp cho chị 8.000.000đồng. Ngày 11/8/2015 chị T chuyển khoản trả tiếp cho chị 10.000.000đồng. Và lần cuối cùng là vào tháng 9/2015 thì chị T gửi trả 1.000.000đồng qua mẹ đẻ chị. Tổng cộng chị T đã trả cho chị được 45.000.000đồng tiền gốc. Ngoài ra, chị T cũng đã chuyển khoản trả cho chị 790.000đồng tiền lãi vào ngày 09/02/2015. Ngày 06/5/2015 chị T chuyển khoản trả cho chị 895.000đồng. Ngày 23/6/2015 chị T chuyển khoản trả tiếp cho chị 2.500.000đồng. Ngày 30/7/2015 trả 500.000đồng trừ vào số tiền mà chị cho vay chuyển qua tài khoản của anh Q (đáng lẽ ra chị phải chuyển cho chị T 14.000.000đồng nhưng chị chỉ chuyển 13.500.000đồng). Ngày 06/11/2015 chị T chuyển khoản trả cho chị 2.500.000đồng. Tổng cộng thì chị T đã trả cho chị số tiền lãi là 7.185.000đồng. Đến nay, chị T còn nợ của chị 115.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 11/2015 cho đến nay. Chị đề nghị Toà án giải quyết, buộc vợ chồng chị T, anh Q phải có trách nhiệm trả cho chị 115.000.000đồng

tiền nợ gốc và khoản tiền lãi từ tháng 11/2015 cho đến nay với mức lãi suất tính theo thoả thuận là 1,3%/tháng ($25 \text{ tháng} \times 115.000.000\text{đồng} \times 1,3\%/tháng = 37.375.000\text{đồng}$).

Bị đơn, chị Trần Thị T trình bày: Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về số tiền 115.000.000đồng. Chị L khai đã đưa cho chị vay làm 3 lần vào các ngày 06/12/2014 với số tiền 60.000.000đồng; ngày 09/7/2015 là 50.000.000đồng và ngày 12/8/2015 là 50.000.000đồng; chị đã trả cho chị L 45.000.000đồng tiền gốc là không đúng. Chị khẳng định chị không vay số tiền trên của chị L. 03 chứng từ giao dịch vào các ngày 09/7/2015, 17/7/2015, 30/7/2015 và sổ phụ mà chị L dùng làm chứng cứ để khởi kiện vợ chồng chị thì theo chị đây là số tiền chị L gửi để trả nợ cho chị. Trước đó, năm 2014, chị L có vay của chị 03 lần, lần 1 vay 30.000.000đồng để đáo nợ ngân hàng, lần 2 là 22.500.000đồng và lần 3 là 15.000.000đồng. Các lần vay này đều giao tiền tại nhà chị còn ngày tháng cụ thể của từng lần vay thì chị không nhớ, không có ai làm chứng và cũng không viết giấy biên nhận. Đến nay chị không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về số nợ của 03 lần chị cho chị L vay tiền. Tại sổ phụ có 04 lần chị chuyển tiền vào tài khoản của chị L đó là vào các ngày 06/5/2015, 23/6/2015, 06/11/2015 và một lần chuyển 8.000.000đồng nhưng đến nay chị không nhớ ngày tháng chuyển khoản, đây là số tiền chị cho chị L vay. Đến nay số nợ này chị L đã thanh toán trả hết cho chị rồi. Hiện giữa vợ chồng chị và chị L không còn vướng mắc nợ nần gì với nhau.

Anh Mai Mạnh Q trình bày: Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh không cùng với chị T tham gia vay nợ hoặc cho chị Vũ Thị L vay nợ lần nào. Anh không biết việc giao dịch vay nợ giữa hai người như thế nào. Cuối tháng 11/2015, anh thấy chị L gọi điện thoại cho anh hẹn gặp tại nhà bác T2 ở xóm 6 xã T, khi anh đến nơi thì thấy chị L và chị T đang cãi nhau, người này nói người kia vay tiền, anh không biết ai là người đúng. Anh đã hoà giải để cho hai người có thời gian suy nghĩ lại nhưng hai người vẫn giữ nguyên quan điểm, không ai nhận về mình. Sau đó nhiều lần chị L hẹn gặp anh tại nhà bố vợ anh ở xóm 7 xã T, chị L nói chị T vay tiền của chị L còn số lượng bao nhiêu thì anh không nhớ, mỗi lần chị L nói một khác. Có lần chị L đưa chứng từ giao dịch của ngân hàng cho anh và nói chị T vay của chị L bằng ấy tiền nhưng anh không công nhận vì anh không biết rõ việc vay và trả nợ giữa hai người như thế nào, anh không biết số tiền ghi trong chứng từ là tiền vay hay tiền trả cho nhau. Có lần chị L còn đưa cả chứng từ gửi tiền cho người khác và chị L tự chuyển tiền vào tài khoản của chị để tính vào số tiền cho chị T vay nên anh không tin tưởng vào lời nói của chị L. Có lần thấy chị L đến nhà anh nói nhờ chị T vay sủi cho 30.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng còn ngày tháng cụ thể thì anh không nhớ.

Lần khác anh lại thấy chị L đến nhà anh gặp vợ chồng anh để thanh minh về số tiền liên quan giữa chị T và chị L nhưng giữa hai người không tìm được tiếng nói chung và có xảy ra cãi nhau. Khoảng đầu năm 2017, chị L cùng mẹ đẻ đến nhà anh để nói về số tiền chị T vay của chị, chị đã đưa ra một tờ giấy tự kê khai ra số nợ nhưng chị T không chấp nhận, hai bên lại xảy ra cãi nhau.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 75.000.000đồng, đến nay chị L không có chứng cứ để chứng minh về số tiền này. Chị chỉ đề nghị Toà án giải quyết, buộc vợ chồng chị T, anh Q phải thanh toán trả cho chị số nợ gốc là 39.500.000đồng và số tiền lãi của số tiền này từ ngày 08/01/2016 cho đến nay.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 09/4/2018 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu đã Quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 244, 385, 400, 401, 463, 466, 468, 469 BLDS; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q. Chấp nhận chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho chị Vũ Thị L số tiền gốc là 39.500.000đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 8.887.000đồng tiền lãi. Tổng cộng 48.387.000đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên biện pháp đảm bảo thi hành án, quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kháng nghị với nội dung: Kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm.

- Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng Toà án không đình chỉ đối với nội dung đương sự đã rút yêu cầu mà chấp nhận việc rút yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm khoản 2 Điều 244 BLTTDS. Bản án áp dụng chưa đúng điều luật, áp dụng khoản 2 Điều 244 BLDS là không chính xác.

- Về nội dung: Trên thực tế, chị L và vợ chồng chị T, anh Q có giao dịch vay mượn tiền lẫn nhau nhiều lần, có lần cho vay bằng hình thức chuyển khoản. Nay phía anh Q, chị T không thừa nhận còn nợ chị L song Toà án cấp sơ thẩm

căn cứ lời khai của một phía và dựa vào các chứng từ chuyển khoản từ chị L cho anh Q mà không lưu ý các quan điểm của phía bị đơn và tài liệu khác là chưa có cơ sở vững chắc để buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 39.500.000đồng.

- Đối với khoản tiền lãi: không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc các đương sự có thoả thuận về lãi nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại buộc chị T, anh Q phải trả lãi là không có cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tại phiên toà:

- Đại diện VKS giữ nguyên nội dung kháng nghị và trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có căn cứ chứng minh về việc chị L cho chị T vay 39.500.000đồng nhưng không có căn cứ về việc trả lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L. Buộc vợ chồng chị T trả cho chị L 39.500.000đồng; không chấp nhận yêu cầu trả khoản tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn, chị Vũ Thị L khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q phải có trách nhiệm trả cho chị khoản tiền mà chị đã cho chị T vay, cả nợ gốc và tiền lãi.

Chị T cho rằng chị không vay số tiền như chị L đòi. Các chứng cứ mà chị L dùng để khởi kiện vợ chồng chị thì đây là số tiền chị L gửi để trả nợ cho chị. Trước đó chị L có vay tiền của chị, có một vài lần chị chuyển tiền vào tài khoản của chị L nhưng đó là tiền chị chuyển cho chị L vay. Đến nay số nợ đó chị L đã thanh toán trả hết cho chị rồi. Hiện giữa vợ chồng chị và chị L không còn vướng mắc nợ nần gì với nhau.

Như vậy, quan hệ pháp luật phải được xác định là: tranh chấp “Đòi tài sản”.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Như vậy, Hội đồng xét xử phải nhận định trong Bản án và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút là chưa chính xác.

- Việc Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 244 BLDS để giải quyết là không đúng điều luật. Phải áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án mới là đúng Điều luật cần áp dụng.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là hoàn toàn có căn cứ.

2.2. Về nội dung:

- Các đương sự đều thừa nhận, thực tế giữa chị L với chị T đã có việc vay mượn tiền nhiều lần.

- Chị L khởi kiện, yêu cầu chị T phải trả cho chị khoản nợ đã vay nhiều lần với tổng số tiền gốc là 115.000.000đồng. Tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ còn yêu cầu buộc vợ chồng chị T, anh Q phải trả cho chị số tiền gốc còn nợ là 39.500.000đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 08/01/2016 cho đến nay.

Theo chị L, đến nay vì chị không còn chứng cứ cụ thể, không có ai làm chứng về việc chị cho chị T vay tiền, chị T lại không nhận nợ nên chị rút một phần yêu cầu khởi kiện. Chị chỉ còn yêu cầu chị T và anh Q phải trả cho chị khoản tiền mà chị đã chuyển cho chị T vay thông qua tài khoản của anh Q là chồng chị T. Chị L cung cấp cho Toà án các chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C Nam Định vào các ngày 09/7/2015, 17/7/2015 và 30/7/2015 cùng “Sổ phụ” của Ngân hàng.

- Chị T cho rằng, chị L khởi kiện đòi tiền chị là không đúng, chị không chấp nhận. Chị không vay tiền của chị L. Các chứng cứ mà chị L dùng để khởi kiện vợ chồng chị thì đó là số tiền chị L gửi để trả nợ cho chị. Trước đó, năm 2014 chị L có vay tiền của chị, có một vài lần chị chuyển tiền vào tài khoản của chị L nhưng đó là tiền chị chuyển cho chị L vay. Từ năm 2014 chị cho chị L vay tiền 03 lần nhưng ngày tháng cụ thể của từng lần vay thì chị không nhớ, khi cho vay không có ai làm chứng, không viết giấy biên nhận. Đến nay chị không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Tại sổ phụ Ngân hàng, có 04 lần chị chuyển tiền vào tài khoản của chị L nhưng chị không nhớ ngày tháng chuyển khoản và đây là số tiền mà chị chuyển để cho chị L vay. Chị L đã trả hết tiền cho chị rồi, giữa vợ chồng chị với chị L không còn vướng mắc nợ nần gì với nhau.

- Anh Mai Mạnh Q có quan điểm: đúng là có việc chị L đã chuyển tiền vào tài khoản của anh nhưng đó là tiền giữa chị L với chị T (vợ anh) với nhau. Số tài khoản và thẻ của anh chị T vẫn dùng. Anh không biết và không chứng kiến việc vay mượn tiền giữa hai chị.

- Hội đồng xét xử nhận định: Chị L khởi kiện đòi khoản tiền mà chị đã chuyển cho chị T vay thông qua số tài khoản của anh Q, được chứng minh bằng 03 chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C Nam Định và “Sổ phụ” của Ngân hàng. Chị T không thừa nhận việc chị vay tiền của chị L mà cho rằng đó là khoản tiền chị L chuyển để trả cho chị khoản tiền mà chị L vay của chị trước đó nhưng chị T lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Tại “Sổ phụ” của Ngân hàng có thể hiện việc chị T có vài lần chuyển tiền vào tài khoản của người nhận là chị L. Nhưng chị L thì cho rằng đó là khoản tiền chị T chuyển trả nợ cho chị còn chị T thì lại cho rằng đó là khoản tiền chị chuyển cho chị L vay. Hơn nữa, các đương sự không có yêu cầu xem xét đối với các lần chuyển khoản này và chị T có quan điểm các khoản tiền đó giữa chị với chị L đã trả xong hết cho nhau và không có yêu cầu nữa.

Việc chị T nhận tiền từ chị L lại qua số tài khoản của anh Q là chồng chị T. Đúng là anh Q không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền giữa chị L với chị T nhưng anh Q có biết việc hai chị cãi nhau nhiều lần về việc vay mượn tiền và thực tế tiền chị L chuyển cho chị T được chuyển vào tài khoản của anh.

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc vợ chồng chị T và anh Q phải trả lại cho chị L khoản tiền gốc đã vay là hoàn toàn có căn cứ.

- Về khoản tiền lãi: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua lời khai của các đương sự được thẩm tra tại phiên toà thì không có căn cứ về việc giữa chị L và chị T cho nhau vay tiền có thoả thuận về tiền lãi. Do vậy, yêu cầu của chị L về việc buộc vợ chồng chị T, anh Q phải trả cho chị cả tiền lãi của số tiền cho vay là không được chấp nhận.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về phần này là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí: các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ: 385, 400, 401, 463, 466, 469 BLDS; Điều 147, 148, khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Vũ Thị L về việc buộc vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q trả lại cho chị khoản tiền 75.500.000đồng.

2. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L.

Buộc vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q phải có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị L số tiền gốc là 39.500.000đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L về việc buộc vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q phải trả cho chị khoản tiền lãi của số tiền đã vay.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng chị Trần Thị T, anh Mai Mạnh Q phải nộp 1.975.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Vũ Thị L phải nộp 444.000đồng. Đối trừ số tiền 2.875.000đồng chị Vũ Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002314 ngày 26-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị L được hoàn lại 2.431.000đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng)

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Mai Thị Minh Hồng